

CHỈ TỔ RÀO ĐÓN TRONG HỘI THOẠI VĂN HỌC: NGHIÊN CỨU TẬP TRUYỆN NGẮN ĐẢO CỦA NGUYỄN NGỌC TU

TS PHAN TUẤN LÝ

Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: ptly@hcmulaw.edu.vn

ThS NGÔ HẢI QUÂN

Khoa Văn học và Ngôn ngữ học, Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn;

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Faculty of Literature and Linguistics, University of Social Sciences and Humanities;

Ho Chi Minh City National University

Email: ngohaiquan1996@gmail.com

ThS PHẠM THỊ THUY DUNG

Trường ĐH Luật TP. Hồ Chí Minh

Ho Chi Minh City University of Law

Email: pttdung@hcmulaw.edu.vn

Tóm tắt

Bài viết nghiên cứu chỉ tổ rào đón trong diễn ngôn hội thoại của các nhân vật trong tập truyện ngắn *Đảo* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tu. Lý thuyết Siêu diễn ngôn được sử dụng để khái quát đặc trưng của chỉ tổ rào đón trong diễn ngôn hội thoại văn học. Phương pháp miêu tả ngôn ngữ học và phân tích diễn ngôn được sử dụng để khái quát đặc trưng của các chỉ tổ rào đón trong tác phẩm văn học. Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ tổ rào đón trong diễn ngôn hội thoại văn học của tác giả Nguyễn Ngọc Tu xuất hiện với tần suất thấp, nhưng đa dạng trong phương thức diễn đạt. Các phương thức diễn đạt thường thấy có thể phân thành ba nhóm: các chỉ tổ tình thái, các chỉ tổ hiện thực hóa câu hỏi tu từ và tiểu từ tình thái cuối phát ngôn. Điều này có thể bước đầu cho thấy chỉ tổ rào đón trong diễn ngôn nói của con người miền Tây Nam Bộ có khả năng xuất hiện không nhiều.

Từ khóa: siêu diễn ngôn, chỉ tổ rào đón, diễn ngôn hội thoại, hội thoại văn học, Nguyễn Ngọc Tu

Abstract

This study examines hedging markers in the conversational discourse of characters in *Đảo* (2022), a short story collection by Nguyen Ngoc Tu. Drawing on Metadiscourse theory, the paper aims to identify and describe the distinctive features and roles of hedging markers in literary conversational discourse. Employing linguistic descriptive methods in combination with discourse analysis, the study reveals that hedging markers in Nguyen Ngoc Tu's literary dialogue occur with low frequency but display a diverse range of expressions. These expressions can be categorized into three main groups: modal markers, rhetorical question indicators, and final modal particles. The findings suggest that hedging markers in the spoken discourse of people in Vietnam's Mekong Delta region tend to appear infrequently.

Keywords: metadiscourse, hedging markers, conversational discourse, literary dialogue, Nguyen Ngoc Tu

Ngày nhận bài: 28/9/2025

Ngày duyệt đăng: 14/11/2025

Giao tiếp không chỉ đảm bảo quá trình trao đổi thông tin mà còn phải lưu tâm đến sự lịch sự và thương lượng giữa con người. Chỉ tổ rào đón hoạt động như một “trọng tài” phân định giữa giao tiếp lịch sự và bất lịch sự. Bài viết tập trung vào việc sử dụng chỉ tổ rào đón trong tác phẩm *Đảo* của Nguyễn Ngọc Tu, một tác giả tiêu biểu của văn học hiện đại Việt Nam, phản ánh đời sống hội thoại của người miền Tây.¹ Tác phẩm không chỉ thể hiện hình tượng nhân vật sống

1 Nguyễn Ngọc Tu, *Đảo: Tập truyện ngắn*, Nxb. Trẻ, 2021.

động mà còn phản ánh tâm lý và cách diễn đạt tự nhiên qua các cuộc giao tiếp. Chỉ tố rào đón trong diễn ngôn giúp truyền tải không gian, bối cảnh, văn hóa và tâm trạng của nhân vật, làm cho các cuộc trò chuyện trở nên gần gũi và sâu sắc hơn.

Nguyễn Ngọc Tư đã khéo léo xây dựng hình ảnh nhân vật và mô tả tâm lý qua các mối quan hệ xã hội trong cộng đồng miền Tây. Lối viết chân thật và giản dị của tác giả, cùng với các câu hỏi tu từ, khuyến khích sự chia sẻ và dẫn dắt câu chuyện, tạo nên không khí ấm áp, đầy tình người trong những cuộc hội thoại của các nhân vật trong tác phẩm. Góp phần cho sự thành công, đó là việc sử dụng khéo léo các phương thức diễn đạt ngôn ngữ. Trong số các biểu thức đó, những phương thức diễn đạt sự rào đón đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng sống động các đoạn thoại của nhân vật trong tác phẩm, phần nào phản ánh hội thoại chân thực của con người miền Tây Nam Bộ.

Trong bài viết này, nhóm tác giả muốn tìm hiểu về chỉ tố rào đón nhìn từ góc độ tương tác liên nhân giữa các chủ thể trong diễn ngôn hội thoại trong truyện ngắn theo quan điểm của Hyland.² Từ đó, nhóm tác giả sẽ đưa ra những luận giải về cách thức mà người nói và người nghe tương tác với nhau thông qua các chỉ tố rào đón. Cụ thể, bài viết sử dụng lý thuyết Siêu diễn ngôn (*Metadiscourse*) để khai phá việc sử dụng các chỉ tố rào đón (*hedging markers*) của Nguyễn Ngọc Tư trong việc tái hiện hội thoại trong đời sống của người miền Tây Nam Bộ. Để đạt mục tiêu nghiên cứu này, bài viết giải quyết các câu hỏi sau:

- (i) Chỉ tố rào đón trong hội thoại văn học, cụ thể là tác phẩm *Đảo* của Nguyễn Ngọc Tư, được hiện thực hóa bằng phương thức ngôn ngữ nào?
- (ii) Chỉ tố rào đón đóng vai trò như thế nào trong hội thoại văn học của tác giả này?

1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Nghiên cứu về chỉ tố rào đón được tiến hành bởi nhiều học giả với những thể loại diễn ngôn khác nhau. Shawan Saeed Haji và Karmand Hamad Abdulla đã tiến hành so sánh cách thức những nhà học thuật người Anh và người Kurd (ngôn ngữ của người Kurd, một nhóm dân tộc sống chủ yếu ở khu vực Trung Đông như Iraq, Iran, Syria và Thổ Nhĩ Kỳ) sử dụng chỉ tố rào đón trong văn bản học thuật bằng tiếng Anh.³ Nhóm nghiên cứu này nhận thấy rằng người bản ngữ sử dụng chỉ tố rào đón với tần suất nhiều hơn so với người Kurd, do có liên quan đến văn hóa hay mức độ thành thạo đối với tiếng Anh.

Đối với diễn ngôn hội thoại, Nguyễn Thanh Huy và Trương Thị Hồng Nhung tiến hành đối chiếu chỉ tố rào đón trong hội thoại tiếng Anh và tiếng Việt.⁴ Kết quả nghiên cứu cho thấy dù là tiếng Anh hay tiếng Việt thì chỉ tố rào đón vẫn theo nguyên lý cộng tác, thông qua những phương châm về chất, lượng, quan hệ và cách thức. Chỉ tố rào đón có thể là từ, ngữ hay thậm chí là câu. Sự khác nhau trong cách sử dụng chỉ tố rào đón đến từ văn hóa ứng xử. Người dùng tiếng Việt sử dụng các

2 Ken Hyland, *Metadiscourse: Exploring interaction in writing*, Continuum, 2005.

3 Shawan Saeed Haji, Karmand Hamad Abdulla, "The use of hedging devices in English texts written by English and Kurdish academics: A comparative study", *Twejer Journal*, Vol. 3(1), 2020, tr. 1037-1076, DOI: <https://doi.org/10.31918/twejer.2031.27>

4 Nguyễn Thanh Huy, Trương Thị Hồng Nhung, "Using hedges in English and Vietnamese conversations: The similarities and differences", *Asian Journal of Social Sciences, Arts and Humanities*, Vol. 3(1), 2015.

biện pháp tu từ để thể hiện rào đón, trong khi người dùng tiếng Anh có sử dụng rào đón bằng các phương thức từ vựng cụ thể. Với ngữ liệu là những đoạn phỏng vấn người nổi tiếng và vận dụng nguyên lý cộng tác, nhóm tác giả Nguyễn Quang Ngoan và Nguyễn Lê Tố Quyên đã so sánh các loại chỉ tố rào đón được sử dụng bởi người Việt Nam và người Mỹ.⁵ Kết quả cho thấy sự khác biệt trong việc sử dụng chỉ tố rào đón của hai tộc người. Cụ thể, người Mỹ sử dụng nhiều chỉ tố rào đón theo phương châm cách thức, người Việt Nam lại chuộng sử dụng chỉ tố rào đón theo phương châm về lượng. Cùng xu hướng nghiên cứu về diễn ngôn hội thoại, Jin Liu đã tìm hiểu về chỉ tố rào đón với góc độ dụng học trong một tác phẩm cụ thể là Jane Eyre.⁶ Tác giả đã đưa ra kết luận rằng chỉ tố rào đón có thể tạo một môi trường giao tiếp tốt hơn, giữ được thể diện cho các bên tham gia vào hội thoại. Chỉ tố này cũng giúp cho người nói diễn đạt lịch sự, uyển chuyển, phù hợp và dễ chấp nhận hơn.

Hyland nghiên cứu chỉ tố rào đón và chỉ tố khẳng định trong 54 bài báo nghiên cứu ở những lĩnh vực khác nhau (kỹ thuật cơ khí, kỹ thuật điện, tiếp thị, xã hội học, triết học, vật lý, vi sinh vật học và ngôn ngữ học ứng dụng) từ tám trang tạp chí nổi tiếng.⁷ Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng chỉ tố rào đón được sử dụng với tần suất nhiều hơn so với từ nhấn mạnh. Điều này cho thấy tầm quan trọng của yếu tố rào đón trong nguồn lực tương tác ngoại ngôn theo quan điểm của lý thuyết Siêu diễn ngôn. Đó là những chiến lược giao tiếp nhằm thiết lập sự tương tác giữa người viết và người đọc.⁸

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Lý thuyết Siêu diễn ngôn

Trước đây, Siêu diễn ngôn là một thuật ngữ mơ hồ và được hiểu nôm na là “diễn ngôn về diễn ngôn”. Cách hiểu này có vẻ như chỉ nhấn mạnh vào các khía cạnh bên trong văn bản. Tuy nhiên, siêu diễn ngôn tập trung đến các khía cạnh giao tiếp, vượt ra khỏi phạm vi văn bản thuần túy, giúp người đọc không những hiểu nội dung trong văn bản mà còn thấy được quan điểm của người viết đối với nội dung được trình bày. Nói cách khác, nó chính là sự hiện diện của người viết trong văn bản. Hyland cho rằng siêu diễn ngôn là một thuật ngữ tổng quát để chỉ những phương thức diễn đạt tự phản chiếu, dùng để thương lượng nghĩa liên nhân trong văn bản, giúp người viết (hoặc người nói) thể hiện quan điểm và giúp người đọc tham gia vào quá trình tương tác như là một thành viên của cộng đồng giao tiếp nhất định.⁹ Khái niệm này cho thấy Hyland tập trung vào bình diện liên nhân bên trong văn bản và nhìn nhận siêu diễn ngôn như là một hệ thống nghĩa được hiện thực hóa bằng nhiều phương thức diễn đạt khác nhau.

Quan điểm trên cho thấy siêu diễn ngôn phụ thuộc vào chu cảnh xuất hiện. Tức là một phương thức diễn đạt có thể được xem là một chỉ tố siêu diễn ngôn trong văn bản này, nhưng nó lại không phải là chỉ tố siêu diễn ngôn trong một văn

5 Nguyễn Quang Ngoan, Nguyễn Lê Tố Quyên, “Types of hedges used by American and Vietnamese Celebrity”, *VNU Journal of Science: Foreign Studies*, Vol. 32(2), 2016, tr. 32-41, DOI: <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/1540>

6 Jin Liu, “A pragmatic analysis of hedges from the perspective of politeness principle”, *Theory and Practice in Language Studies*, Vol. 10(12), 2020, tr. 1614-1619, DOI: <http://dx.doi.org/10.17507/tpls.1012.15>

7 Ken Hyland, *Hedging in scientific research articles*, John Benjamin's Publishing Company, 1998.

8 Như trên.

9 Như trên.

bản khác được sử dụng ở một cộng đồng giao tiếp khác. Nói cách khác, siêu diễn ngôn là một khái niệm được nhìn từ góc độ chức năng. Do vậy, siêu diễn ngôn ít liên quan đến nội dung của diễn ngôn, mà gắn liền với tương tác giữa người đọc và người viết. Trên cơ sở đó, Hyland đã đề xuất mô hình liên nhân gồm hai nguồn lực tương tác: nội ngôn và ngoại ngôn.¹⁰ Cụ thể, nguồn lực tương tác nội ngôn chính là sự định hướng của người viết sao cho phù hợp với nhu cầu, kỳ vọng của người đọc thông qua sự tương tác giữa người viết và văn bản. Theo đó, người viết sẽ xây dựng những lập luận giúp định hướng người đọc theo cách mà người viết mong muốn. Trong khi đó, nguồn lực tương tác ngoại ngôn liên quan đến cách người viết thực hiện tương tác bằng cách “thâm nhập” và đưa ra ý kiến đối với thông tin đề cập. Người viết sẽ thể hiện quan điểm của mình và “lôi kéo” sự tham gia của người đọc vào diễn ngôn. Nói khác đi, nguồn lực ngoại ngôn tập trung vào sự tương tác giữa người viết và người đọc văn bản.

Bảng 1. Mô hình tương tác liên nhân theo lý thuyết Siêu diễn ngôn

Nguồn lực	Chỉ tố	Chức năng	Ví dụ
Nguồn lực tương tác nội ngôn	Chỉ tố chuyển tiếp	cho thấy mối liên hệ trong lập luận của người viết (bổ sung, nguyên nhân- kết quả, đối lập)	<i>and, furthermore, thus, therefore, in contrast, but,...</i>
	Chỉ tố khung	đánh dấu cấu trúc diễn ngôn, giúp người đọc hay người nghe dễ dàng theo dõi hơn	<i>to summarise, my purpose is, let us return to,...</i>
	Chỉ tố quy chiếu	đề cập đến những phần khác trong văn bản giúp củng cố thông tin	xem bảng 2, ở phần tiếp theo,...
	Chỉ tố dẫn chứng	đề cập đến văn bản khác nhằm tăng tính thuyết phục cho thông tin đề cập	theo, trong,...
	Chỉ tố chú thích	cung cấp thông tin bổ sung nhằm đảm bảo rằng người đọc nắm được ý của người viết	<i>it means, in other words,...</i>
Nguồn lực tương tác ngoại ngôn	Chỉ tố rào đón	thể hiện ý đồ của người viết khi muốn thừa nhận những ý kiến khác từ phía người đọc, ngụ ý rằng đây là ý kiến chủ quan đến từ phía người viết chứ không phải là một sự thật hiển nhiên	<i>may be, might, perhaps,...</i>
	Chỉ tố khẳng định	cho thấy sự khẳng định chắc nịch của người viết đối với thông tin	<i>definitely, obviously,...</i>
	Chỉ tố thái độ	cho thấy khía cạnh tình cảm của tác giả (ngạc nhiên, bối rối, đồng tình,...) đối với thông tin	<i>surprisingly, fortunately, ...</i>
	Chỉ tố tự đề cập	thể hiện sự hiện diện của người viết trong văn bản	<i>I, my, our,...</i>
	Chỉ tố tham thoại	cho thấy sự hiện diện của người đọc trong văn bản	<i>you, your,...</i>

Nguồn: Hyland, 2005

Tóm lại, nếu như nguồn lực tương tác nội ngôn là những “công cụ” giúp người viết đạt được sự kỳ vọng từ phía người đọc trong việc hiểu được văn bản, thông qua cách sắp xếp các lập luận thì nguồn lực tương tác ngoại ngôn tập trung trực tiếp vào sự tương tác giữa người viết và người đọc. Trong đó, người viết phải điều chỉnh các biến thể “PERSONA, TENOR” cho phù hợp với cộng đồng diễn ngôn nhất định.¹¹

2.2. Chỉ tố rào đón

2.2.1. Rào đón trong các trường phái lý thuyết

“Rào đón” là một thuật ngữ được Lakoff giới thiệu lần đầu tiên trong luận văn của mình vào năm 1975.¹² Theo đó, rào đón được hiểu là những chỉ tố được sử dụng với mục đích làm mờ đi thông tin được đề cập. Hay nói cách khác, chỉ tố rào đón giúp cho thông tin mang tính chất tương đối hơn. Chúng tạo ra sự mơ hồ cho những khẳng định như một dạng hàm ý trong giao tiếp.¹³ Từ góc độ dụng học, Brown và Levinson đặt các chỉ tố rào đón trong mối quan hệ với lý thuyết Lịch sự (*Theory of Politeness*).¹⁴ Chỉ tố này được xem là một trong những “chiến lược lịch sự” mà con người sử dụng trong giao tiếp. Cụ thể, rào đón được xếp vào phân loại chiến lược lịch sự âm tính nhằm hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến thể diện của các cá nhân trong giao tiếp.¹⁵ Xem ví dụ sau:

Ví dụ 1: “Hồng! Hồng xin giùm tôi đi. Tôi biết Hồng là người rộng lượng, anh Hai nghe em nhiều...” (*Anh Hai Đầm* – Chu Lai)

Với mục đích nhờ vả, người nói chỉ ra ưu điểm của người nghe qua một lời tán dương “Tôi biết Hồng là người rộng lượng”. Đây được xem là một biểu thức rào đón nhằm đề cao thể diện của người nghe (thể diện dương tính). Tương tự, thể diện của người nói cũng được bảo toàn bằng phương thức rào đón. Phan Thị Thanh Thủy đã đưa ra một minh chứng cho trường hợp này với trích dẫn từ truyện ngắn Phở (*Phở* – Chu Lai).¹⁶

Ví dụ 2: “Nếu mày còn coi tao là bạn, một thằng bạn tốt như trước kia mày thường nói, tao chỉ khuyên một câu: Trở về đi! Cuộc sống dưới kia dù khốn khổ thế nào nhưng vẫn là cuộc sống.”

Ngoài ra, rào đón còn được cho là có liên quan nguyên lý cộng tác (*Cooperative principle*) của Grice.¹⁷ Quy tắc này đề cập các phương châm về hội thoại (thường gọi là *Gricean maxims*) khi giao tiếp, cụ thể là phương châm về lượng, phương châm về chất, phương châm về quan hệ và phương châm về cách thức. Rào đón được xem là các chiến lược “đền bù” cho các vi phạm những phương châm nêu trên.¹⁸ Cụ thể,

11 Ken Hyland, *ltd*.

12 Robin Lakoff, *Language and women's place*, New York: Harper & Row, 1975.

13 Herbert P. Yule, “Conversational text editor for a laboratory minicomputer”, *Analytical Chemistry*, Vol. 24, 1972, tr. 1-430, DOI: <https://doi.org/10.1021/ac60310a023>

14 Penelope Brown and Stephen C. Levinson, *Politeness: Some universals in language usage*, Cambridge University Press, 1987, DOI: <https://doi.org/10.1017/CBO9780511813085>

15 Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, 2001.

16 Phan Thị Thanh Thủy, “Ranh giới giữa lịch sự và bất lịch sự qua hành vi rào đón trong tiếng Việt”, *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 5(83), 2016.

17 H. Paul Grice, “Logic and conversation”, in P. Cole, & J. Morgan (Eds.), *Syntax and semantics*, New York: Academic Press, 1975, tr. 41-58.

18 Ngô Hữu Hoàng, “Lời rào đón như phương tiện “đền bù” các vi phạm nguyên tắc lịch sự (Dựa trên diễn ngôn tiếng Anh và tiếng Việt)”, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, số 121(07), 2014, tr. 65-71.

khi người nói tự nhận ra rằng vấn đề họ đang trình bày có khả năng vi phạm phương châm về chất, tức là họ đang không chắc về độ xác thực của thông tin, họ sẽ dùng những phương thức diễn đạt như “Nếu tôi không nhầm...”, “Nghe nói...”, “Tôi không chắc lắm nhưng...”. Bằng những phương tiện rào đón như vậy, người nói “ra hiệu” là họ đã ý thức được sự vi phạm nguyên tắc của mình và chủ động “đền bù” bằng cách sử dụng phương thức rào đón.

Xét từ phương châm về lượng, khi người nói được kỳ vọng phải cung cấp thông tin đúng mục đích yêu cầu, chỉ tổ rào đón sẽ được sử dụng như sự đề phòng đối với lượng thông tin đưa ra. Xem xét các ví dụ sau:

Ví dụ 3: “Tôi biết là buổi họp hơi dài rồi nhưng chúng ta còn một số việc cần bàn.”

Một lần nữa, những phương thức diễn đạt trên tỏ ra hữu dụng trong việc giúp người nói “rào trước” sự vi phạm phương châm về lượng khi giao tiếp. Rào đón đóng vai trò như là một phương thức giảm nhẹ sự vi phạm phương châm trong giao tiếp.

Phương châm về quan hệ nhằm đảm bảo thông tin được nói ra là phù hợp, không lạc đề. Người nói thường chủ động sử dụng rào đón để ra hiệu với người nghe về thông tin được nói đến, có thể không liên quan đến chuỗi nội dung đang được thảo luận.

Ví dụ 4: “Tiện đây tôi nói thêm về vụ máy bữa.”

Cuối cùng, phương châm về cách thức yêu cầu sự rõ ràng đối với thông tin, còn được gọi là “phương châm rõ ràng”.¹⁹ Trong tiếng Việt, các phương thức diễn đạt như “*Hình như là...*”, “*Có thể là...*”, “*Nếu tôi nhớ không nhầm thì...*” được xem như phương thức rào đón giúp người nói “đền bù” cho khả năng vi phạm phương châm này.

Nhìn chung, rào đón đa phần được tiếp cận từ góc nhìn dụng học, đặt trong mối quan hệ với lý thuyết Lịch sử và nguyên lý cộng tác. Tựu trung lại, từ góc nhìn ngữ dụng học, rào đón được xem là một chiến lược giao tiếp nhằm duy trì “lịch sử” hoặc “đền bù” cho những vi phạm có chủ đích đối với các phương châm thuộc nguyên lý hợp tác ở hầu hết các nghiên cứu về tiếng Việt. Những ví dụ trên cho thấy rào đón tồn tại dưới nhiều phương thức biểu đạt khác nhau. Dù được diễn đạt bằng từ, ngữ hay câu, rào đón luôn đóng vai trò là một “hành vi” có mục đích của người nói giúp duy trì hoạt động giao tiếp hiệu quả.

2.2.2. Rào đón trong lý thuyết Siêu diễn ngôn

Rào đón được xem là một chỉ tố thuộc nguồn lực tương tác ngoại ngôn. Nó đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng tương tác giữa người viết và người đọc (hay người nói và người nghe). Theo đó, chỉ tố rào đón được hiểu là “những công cụ do người viết sử dụng nhằm truyền đạt thông tin dưới góc nhìn, lập luận của chính họ”.²⁰

Chỉ tố rào đón cho thấy ý định của tác giả khi muốn thực hiện tương tác với người đọc/người nghe thông qua việc thừa nhận ý kiến khác đối với thông tin được đưa ra. Rào đón có thể được hiện thực hóa thông qua các phương thức diễn đạt từ vựng như “*possible*”, “*might*” và “*perhaps*” trong tiếng Anh. Các phương thức diễn đạt từ vựng này đánh dấu nhận xét chủ quan, từ đó tạo cơ hội cho những ý kiến khác của người đọc/người nghe, làm tiền đề cho sự tranh luận đối với nội dung được đề

19 Ngô Hữu Hoàng, “Lời rào đón như phương tiện “đền bù” các vi phạm nguyên tắc lịch sử (Dựa trên diễn ngôn tiếng Anh và tiếng Việt)”, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, số 121(07), 2014, tr. 65-71.

20 Ken Hyland, *tdđ*.

cập. Vì vậy, chỉ tố rào đón ngụ ý rằng thông tin đưa ra chỉ dựa trên lập luận của người viết, nhờ đó người đọc/người nghe có nhiều cơ hội hơn để thể hiện quan điểm của mình một cách trêu tượng trong quá trình đọc/nghe. Nói khác đi, đó là những phương thức diễn đạt trong giao tiếp mà người viết/người nói sử dụng nhằm giảm nhẹ quan điểm, mở ra không gian tương tác với người đọc/người nghe, xây dựng mối quan hệ liên nhân giữa hai chủ thể này.

Ví dụ 5: “Our results *suggest* that rapid freeze and thaw rates during artificial experiments in the laboratory *may* cause artifactual formation of embolism. Such experiments *may* not quantitatively represent the amount of embolism that is formed during winter freezing in nature. In the chaparral at least, low temperature episodes usually result in gradual freezethaw events.” (Tạm dịch: Kết quả nghiên cứu của chúng tôi đề xuất rằng tốc độ đóng băng và tan băng nhanh trong các thí nghiệm nhân tạo tại phòng thí nghiệm *có thể* gây ra hiện tượng hình thành thuyên tắc giả tạo. Do đó, các thí nghiệm này *có thể* không phản ánh chính xác lượng thuyên tắc hình thành trong quá trình đóng băng tự nhiên vào mùa đông. Riêng trong hệ sinh thái cây bụi chaparral, các đợt nhiệt độ thấp thường dẫn đến các quá trình đóng băng – tan băng diễn ra từ từ”).²¹ Trong Ví dụ 5, “*suggest*”, “*may*” ở ví dụ trên cho phép mở ra luồng ý kiến khác từ phía người đọc, từ đó củng cố tương tác giữa người viết và người đọc trong diễn ngôn.

3. Phương pháp và ngữ liệu nghiên cứu

Bài viết này sử dụng phương pháp miêu tả ngôn ngữ học và phân tích diễn ngôn từ góc nhìn định tính làm phương pháp chính. Cụ thể, phương pháp miêu tả giúp khái quát các đặc điểm từ vựng và ngữ pháp của các chỉ tố siêu diễn ngôn trong tiếng Việt, đặc biệt là trong các hội thoại văn học. Phương pháp phân tích diễn ngôn được áp dụng để làm rõ các đặc điểm của văn bản, với trọng tâm là hội thoại văn học. Qua đó, phương pháp này giúp định vị hội thoại như một đơn vị ngôn ngữ nổi bật trên câu, cho thấy vai trò chỉ tố Siêu diễn ngôn trong đặc trưng hội thoại văn học.

Ngữ liệu nghiên cứu được lấy từ tập truyện *Đảo* của nữ nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, ra mắt lần đầu năm 2022 và được phát hành bởi Nhà xuất bản Trẻ. Tác phẩm này mang phong cách văn chương đặc trưng, thường viết về những câu chuyện, con người và những khám phá giá trị sống của người miền Tây. *Đảo* bao gồm 17 mẩu truyện ngắn, trải dài trên 144 trang với tổng độ dài hơn 30.000 từ. Văn phong của tác giả hiện đại, phù hợp với mọi đối tượng đọc. Phong cách ngôn ngữ trong *Đảo* rất giàu hình ảnh và mang tính biểu tượng cao. Giọng văn trong truyện thường không chứa nhiều tình tiết phức tạp, đôi khi chỉ là những lượt lời, nhưng vẫn tạo được ấn tượng mạnh với độc giả thông qua những tình tiết xúc động và sâu sắc. Bài viết này tập trung phân tích, làm rõ các chỉ tố rào đón (từ lý thuyết Siêu diễn ngôn) được sử dụng trong những đoạn hội thoại giữa các nhân vật. Cụ thể, bài viết liệt kê những phương thức diễn đạt được sử dụng để hiện thực hóa chỉ tố rào đón. Từ đó, tác giả đưa ra những luận giải về cách thức mà chỉ tố rào đón tương tác giữa người viết và người đọc, hay tác động đến cách tiếp nhận thông điệp và xây dựng các mối quan hệ trong cuộc hội thoại.

21 W. T. Pockman, J. S. Sperry, “Freezing-induced xylem cavitation and the northern limit of *Larrea tridentata*”, *Oecologia*, Vol. 109(1), 1996, tr. 19–27, DOI: <https://doi.org/10.1007/s004420050053>

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Kết quả nghiên cứu

Dựa vào mô hình liên nhân do Hyland đề xuất, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát ngữ liệu nghiên cứu.²² Nhìn chung, tần suất xuất hiện của các chỉ tố rào đón trong các đoạn hội thoại của các nhân vật là không nhiều. Kết quả khảo sát cho thấy 12 chỉ tố rào đón được tìm thấy rải rác trong hội thoại nhân vật của 17 truyện ngắn. Mặc dù xuất hiện với tần suất khá khiêm tốn, các chỉ tố rào đón này mang những đặc trưng riêng biệt thú vị.

Bảng 2. Phương thức diễn đạt chỉ tố rào đón trong tác phẩm *Đảo*

Phương thức diễn đạt	Tần suất	Ví dụ
<i>không ta?</i>	3	<i>Có khi nào Sinh đi vô trong mấy cuốn sách kia không ta?</i> <i>Bữa đó có mưa không ta?</i> (Trích <i>Biển mắt ở thư viện</i>) <i>Xóm bên có trung tâm đó không ta?</i> (Trích <i>Mưa qua trăng gió</i>)
<i>có chắc là</i>	3	<i>Có chắc là con Diệu không đó?</i> (Trích <i>Lưu lạc</i>)
<i>tưởng</i>	1	<i>Tôi tưởng ông bỏ xứ luôn.</i> (Trích <i>Củ mực trời về</i>)
<i>không biết... hay</i>	1	<i>Không biết chị thấy mệt rồi hay vì nghĩ chỉ ở giữa đám cháy Tam mới nhìn thấy chị.</i> (Trích <i>Tro tàn rực rỡ</i>)
<i>thời mà</i>	1	<i>không nghiêm trọng, như vô viện nằm dưỡng sức ít bữa thời mà.</i> (Trích <i>Chụp ảnh gia đình</i>)
<i>ha</i>	2	<i>Lâm ly hơn đời mấy con nhỏ hôm qua giờ, ha!</i> (Trích <i>Đảo</i>) <i>Lúc này có ngon ha</i> (Trích <i>Sổ lồng</i>)
<i>lắm</i>	1	<i>Nghĩ lắm! Bờ nói, nhấn trọng âm “lắm” cho ra vẻ hài hước, sao nghe như một tiếng thở dài.</i> (Trích <i>Đi bụi</i>)

Nguồn: Tác giả thống kê

Trước hết, thành phần có chứa chỉ tố rào đón được lồng ghép trong những câu hỏi ở các đoạn đối thoại đan xen giữa nhân vật. Xem xét những ví dụ sau:

Ví dụ 6: “Bữa đó có mưa không ta?”, tôi hỏi, tỏ ra vẫn quan tâm câu chuyện đã nghe kể hàng trăm lần, trong lúc ngoáy một lọn tóc nhỏ của Hảo, nghe đầu ngón tay mát lạnh trong mảnh lụa đen. Hỏi, để nhìn gương mặt chị lung linh, “có, mưa lớn, nên tụi Hảo mới tạt vô nhà sách để trốn mưa. Chỗ tụi này ít học, nuốt chữ đầu có nổi...”. Có khi nào Sinh đi vô trong mấy cuốn sách kia không ta? (Trích *Biển mắt ở thư viện*)

Phương thức diễn đạt “không ta” ở cuối phát ngôn được đánh giá là chỉ tố rào đón, bởi nó không những thực hiện chức năng là cụm từ đề hỏi, mà còn thể hiện sự không chắc chắn của người nói đối với thông tin. Điều này khơi gợi phản hồi từ phía người nghe. Trong “Mưa qua trảng gió”, “không ta” cũng xuất hiện với chức năng tương tự.

Ví dụ 7: “Ái nhắc chào cá kho lên bàn, hỏi Đậu, «xóm bên có trung tâm đó không ta?”. Thằng nhỏ co chân kiểu nước lụt, hít hà mâm cơm, gãi đầu gối, “chỗ đó hát lô tô hả?” (Trích *Mưa qua trảng gió*)

Việc đặt “không ta” ở cuối câu hỏi không chỉ là hành động tự chất vấn bản thân của người nói, mà còn thể hiện sự kỳ vọng về một phản hồi mang tính xác nhận từ phía người nghe. Do vậy, cụm “không ta” đóng vai trò quan trọng trong việc thực hiện tương tác giữa người nói và người nghe, cụ thể là trao đổi, xác nhận thông tin.

Trong câu nghi vấn, phương thức diễn đạt như “có chắc là” cho thấy quan điểm chủ quan của người nói. Đây chính là tiền đề cho việc thiết lập tương tác với người tiếp nhận thông tin.

Ví dụ 8: “Người quen với gia đình lớp điện thoại lớp tới tận nhà để mừng giọt máu chảy ngược về, ai cũng chung nỗi sợ yêu lầm, “có chắc là con Diệu không đó?”. (Trích *Lưu lạc*)

Cụm “có chắc là” thể hiện sự nghi ngờ của người nói về thông tin được đề cập. Điều này đòi hỏi một câu trả lời mang tính khẳng định từ phía người nghe. Theo đó, khi tiếp nhận được câu hỏi có chứa “có chắc là”, người nghe cần thực hiện phản hồi với sự xác nhận hay bác bỏ đối với thông tin trên.

Ngoài ra, chỉ tố rào đón còn xuất hiện trong những câu trần thuật khi người nói muốn bày tỏ một niềm tin mong lung đối với một sự vật, hay sự tình nào đó.

Ví dụ 9: “Thầy là người đầu tiên ở Thổ Sầu nhận ra gã, ngay cái nhìn đầu. Những ngón tay xương xẩu của thầy nín lấy vai khách lạ”, “Chịu trời đầu về rồi hả? Ngon! Tôi tưởng ông bỏ xứ luôn”. (Trích *Củi mục trời về*)

Ví dụ 10: “Nhàn đã không chạy ra khỏi đồng lửa như mọi khi, anh à! Không biết chị thấy mệt rồi hay vì nghĩ chỉ ở giữa đám cháy Tam mới nhìn thấy chị”. (Trích *Tro tàn rực rỡ*)

Chính sự mơ hồ trong nhận định của người nói tạo ra một khoảng trống nhằm kích thích sự phản hồi từ phía người nghe. Điều này được cho là có hiệu quả trong việc duy trì tương tác giữa người nói và người nghe trong hội thoại. Từ “tưởng” và “nghĩ” cho thấy nhận định nêu ra chỉ đơn thuần đến từ góc nhìn của người nói. Nói cách khác, đó là cái nhìn chủ quan của người nói, có thể đúng hoặc sai. Điều này tạo cơ hội cho người nghe đưa ra nhận định của họ đối với cách nhìn nhận trên, hoặc họ có thể cung cấp thông tin từ góc nhìn khách quan hơn.

Tuy nhiên, chỉ tố rào đón không chỉ xuất hiện trong câu hỏi, hay câu trần thuật mà còn cả trong câu phủ định với hiệu ứng “làm nhẹ” đi sự đánh giá dành cho thông tin. Cụ thể, trong ví dụ sau đây, “thôi mà” được đặt ở cuối phát ngôn tạo hiệu ứng giảm nhẹ sự nghiêm trọng của thông tin vừa đề cập, như để củng cố thêm cho cụm “không nghiêm trọng” trước đó.

Ví dụ 11: “Con nói với nhỏ bồ, ba anh đau. Bồ định đòi đi theo, con cắt cơn

liền, không nghiêm trọng, như vô viện nằm dưỡng sức ít bữa thôi mà. Lúc gấp sắp thì con có phải về quê ít bữa đổi thành chú qua đời. Con không tin là người ta khi biết sự thật về quê chụp hình mà không cười té ghế, không mĩa mai viện cổ đi chơi à, không buột miệng nói bộ khủng sao? “(Trích *Chụp ảnh gia đình*)

Giả sử “thôi mà” bị lược bỏ đi, ý nghĩa của phát ngôn trên về cơ bản không thay đổi. Tuy nhiên, người nói khó thể hiện được đánh giá của bản thân đối với thông tin. Xem thêm ví dụ sau trong hội thoại giao tiếp hàng ngày:

Ví dụ 12: “Bệnh nó không nặng, chỉ sốt nhẹ thôi mà. Bài đó đâu có gì quan trọng, mấy cái giới thiệu chung chung thôi mà.”

Việc sử dụng “thôi mà” như một phương tiện rào đón không những giúp củng cố nghĩa nội dung của phát ngôn, mà chúng thể hiện sự đánh giá “không nghiêm trọng” từ góc nhìn của người nói.

“Thôi mà” là một cụm từ được sử dụng khá phổ biến trong giao tiếp hàng ngày của người Việt. Thông thường, nó được đặt ở đầu câu với ý khuyên nhủ ai đó bỏ qua một điều gì đó không vui, hoặc đừng làm một việc gì đó. Khi đó, “thôi mà” không hành chức như một chỉ tố rào đón theo quan điểm của lý thuyết Siêu diễn ngôn. Xem xét “thôi mà” trong Ví dụ 13 sau:

Ví dụ 13: “Thôi mà, đừng buồn nữa, mọi chuyện sẽ ổn thôi! Thôi mà, đừng làm vậy nữa, sẽ không có chuyện gì đâu!”

Trong ví dụ 12, người nói sử dụng “thôi mà” để thể hiện sự đánh giá của mình đối với thông tin, rằng nó “không quá quan trọng”. Theo đó, tương tác được thiết lập bằng việc người nghe tiếp nhận và thực hiện đánh giá riêng của bản thân họ.

Nhìn chung, chỉ tố rào đón được hiện thực hóa bằng nhiều phương thức khác nhau trong các câu khác đa dạng từ nghi vấn, phủ định, trần thuật. Những tiểu từ như “ha” ở cuối phát ngôn cũng có thể thực hiện vai trò của chỉ tố rào đón.

Ví dụ 14: “Lâm ly hơn đời mấy con nhỏ hôm qua giờ, ha!” (Trích *Đảo*)

Ví dụ 15: “Lúc này cô ngon ha. Dám để tôi ngủ muỗi ngoài đồng róm suốt đêm.” (Trích *Sở lông*)

Ví dụ 16: “Ngoại nói, thôi đành vậy, lần sau.

– Nghi lắm! Bờ nói, nhấn trọng âm “lắm” cho ra vẻ hài hước, sao nghe như một tiếng thở dài.” (Trích *Đi bụi*)

Trong ba Ví dụ 14-15-16, “ha” và “lắm” được sử dụng trong câu, giúp cho người nói đưa ra nhận định liên quan đến nội dung của sự tình. Trong các ví dụ này, hai từ này hành chức như một chỉ tố biểu đạt một điều gì đó đang diễn ra vượt mức kỳ vọng bình thường (có thể theo hướng tiêu cực). Do vậy, ở những nhận định này, người nói có vẻ như đang chờ đợi một lời giải thích thỏa đáng từ phía người nghe. Từ đó, quan hệ liên nhân được thiết lập giữa người nói và người nghe.

Mặc dù tần suất xuất hiện không cao, chỉ tố rào đón trong hội thoại của tập truyện ngắn được sử dụng cho thấy sự đa dạng trong thể thức. Chức năng xây dựng nội dung không quá nổi trội, tuy nhiên chỉ tố rào đón vẫn đóng một vai trò quan trọng trong việc thiết lập hiệu ứng tương tác giữa người đọc và người nghe trong hội thoại. Theo đó, chỉ tố rào đón trong diễn ngôn hội thoại thường được diễn đạt dưới hình thức bằng những từ để hỏi đối với câu nghi vấn (“không ta”, “có...không”, “có sao”, “phải không”). Những câu hỏi có chứa yếu tố rào đón này thường không nhằm mục đích

hỏi, mà chỉ tạo hiệu ứng trong việc duy trì tương tác giữa người nói và người nghe bằng cách đưa ra một nhận định chủ quan từ phía người nói. Từ đó, người nghe có thể đưa ra phản hồi nhằm xác nhận hay bác bỏ đối với nhận định đó.

Đối với câu trần thuật, chỉ tố rào đón trong hội thoại được hiện thực hóa bằng những từ hoặc ngữ thể hiện sự không chắc chắn đối với thông tin như “không biết (tôi đâu)”, “chắc”, “tôi tưởng”. Tương tự, rào đón trong câu trần thuật ra dấu hiệu cho người nghe rằng nội dung được trình bày chỉ mang tính chất chủ quan từ phía người nói. Do đó, người nghe được “kích thích” để đưa ra thông tin mà họ nghĩ là chính xác hơn.

Tương ứng, rào đón trong câu phủ định giúp người nói gửi gắm cách đánh giá của mình đối với nội dung được nói đến. Trong ngữ liệu khảo sát, “thời mà” được cho là thực hiện vai trò rào đón ở thể phủ định, giúp “làm nhẹ” tính chất nghiêm trọng của sự tình được người nói đề cập. Trên cơ sở đó, người nghe nắm được đánh giá của người nói và đưa ra nhận định của chính họ liên quan đến sự tình nêu ra.

Ngoài ra, những hư từ được sử dụng trong câu cảm thán cũng được vận dụng như phương tiện rào đón trong diễn ngôn hội thoại thuộc ngữ liệu sử dụng. Những hư từ như “ha”, “lắm” ngoài tác dụng biểu đạt thái độ của người nói còn cho thấy việc thể hiện quan điểm chủ quan một cách có chủ đích của người nói với mục đích gợi mở vấn đề đối với người nghe.

Dưới góc nhìn của lý thuyết Siêu diễn ngôn, rào đón là phương tiện giúp người nói/ người viết diễn đạt thông tin ở góc nhìn chủ quan.²³ Bài viết tìm thấy nhiều điểm đặc biệt trong các phương thức diễn đạt thực hiện hành vi rào đón trong diễn ngôn hội thoại được khảo sát bằng tiếng Việt. Cụ thể, rào đón trong hội thoại tiếng Việt được tìm thấy tồn tại ở nhiều thể và thức khác nhau. Điều này gợi ý rằng rào đón trong diễn ngôn hội thoại tiếng Việt có mức độ đa dạng, phức tạp cao và cần được sự quan tâm nhiều hơn từ các nhà nghiên cứu.

4.2. Thảo luận

Hội thoại văn học về cơ bản phản ánh hội thoại của đời sống thông thường và có thể tu chỉnh cần thiết để thực hiện các chức năng của ngôn ngữ nghệ thuật. Do đó, chỉ tố rào đón trong hội thoại văn học cũng phản ánh hoạt động giao tiếp rào đón của tộc người. Kết quả khảo sát cho thấy chỉ tố rào đón trong hội thoại văn học, cụ thể là tác phẩm *Đảo* của nhà văn Nguyễn Ngọc Tư, không xuất hiện nhiều. Điều này, dù chưa thể khẳng định rằng các chỉ tố rào đón trong giao tiếp của con người miền Tây Nam Bộ là không nhiều, nhưng cũng phản ánh được tần suất của chỉ tố này trong giao tiếp của con người nơi đây. Johansen nghiên cứu về rào đón trong hội thoại thân mật trong tiếng Anh và tiếng Na Uy.²⁴ Kết quả cho thấy các chỉ tố rào đón xuất hiện nhiều trong hội thoại của hai ngôn ngữ này. Tác giả đã khu biệt các chỉ tố theo ba nhóm dựa trên phạm vi hành chức: trong câu, giữa người nói và nội dung câu, giữa người nói và người nghe. Từ những phân tích này, chỉ tố rào đón trong giao tiếp của những tộc người là khác nhau, thậm chí có thể khái quát thành các biến thể văn hóa trong giao tiếp ở một cộng đồng diễn ngôn.²⁵

23 Ken Hyland, *ltd.*

24 Stine Hulleberg Johansen, “A contrastive approach to the types of hedging strategies used in Norwegian and English informal spoken conversations”, *Contrastive Pragmatics*, Vol. 2(1), 2020, tr. 81–105, DOI: <https://doi.org/10.1163/26660393-12340006>

25 Yingli Yan, “Exploring linguistic and cultural variations in the use of hedges in English and Chinese scientific discourse”, *Journal of Pragmatics*, Vol. 50(1), 2013, tr. 23–36, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.pragma.2013.01.008>

Rào đón thông thường được xem xét từ góc nhìn của dụng học.²⁶ Tuy nhiên, sự phát triển của các lý thuyết ngôn ngữ đã đẩy rào đón đi xa hơn khỏi địa hạt dụng học của nó. Việc hiện thực hóa rào đón trong giao tiếp (nói/ viết) được nghiên cứu từ nhiều hệ hình lý thuyết khác nhau. Rào đón trong lý thuyết Siêu diễn ngôn vượt ra khỏi phạm vi của rào đón trong trường phái dụng học và các nền tảng lý thuyết khác. Theo đó, chỉ tố rào đón trong trường phái lý thuyết này hành chức như là một phương tiện nhằm giảm nhẹ lập trường quan điểm của chủ thể tạo lập diễn ngôn, nhằm mở ra không gian tương tác với các chủ thể tiếp nhận.²⁷ Tuy nhiên, ở góc nhìn dụng học, rào đón trong giao tiếp của người Việt là chiến lược của người nói nhằm ngăn ngừa những tác hại nhất định do lời nói thẳng của mình gây ra, mục đích trọng tâm nhất là ngăn ngừa sự xâm hại từ những thông tin có tính chất nhạy cảm, trái chiều.²⁸ Trong khi đó, Vlasyan lại cho rằng các chức năng chính của rào đón trong diễn ngôn hội thoại bao gồm: tránh xung đột, giảm thiểu các hành vi đe dọa thể diện, giảm thiểu sự áp đặt.²⁹ Do đó, khi tiếp cận các phương thức diễn đạt rào đón, người nghiên cứu cần bám sát khung lý thuyết chủ đạo để khái quát hóa hiện tượng này trong một ngôn ngữ cụ thể.

Kết luận

Rào đón là một công cụ giao tiếp quan trọng trong các cuộc hội thoại. Tiếng Việt có nhiều phương thức diễn đạt nhằm thực hiện việc rào đón trong quá trình giao tiếp. Nghiên cứu rào đón được tiến hành từ nhiều góc nhìn lý thuyết khác nhau. Với tư cách là một đơn vị tương tác trong giao tiếp, chỉ tố rào đón được lý thuyết Siêu diễn ngôn xác định là một công cụ nhằm giảm nhẹ lập trường quan điểm của người nói, nhằm tạo ra không gian giao tiếp trùu tượng để người nghe tham gia vào hội thoại. Chỉ tố này trong hội thoại văn học cũng được sử dụng để hiện thực hóa sự tương tác giữa chủ thể tạo lập và chủ thể tiếp nhận diễn ngôn. Kết quả khảo sát hội thoại trong tác phẩm *Đảo* của Nguyễn Ngọc Tư cho thấy các phương thức diễn đạt của rào đón có thể được chia thành ba nhóm: thứ nhất, các chỉ tố tình thái, thứ hai, các chỉ tố hiện thực hóa câu hỏi tu từ, và thứ ba, các tiểu từ tình thái xuất hiện ở cuối phát ngôn. Kết quả phân tích cũng cho thấy chỉ tố rào đón có xu hướng ít xuất hiện trong diễn ngôn nói của người miền Tây Nam Bộ. Kết quả nghiên cứu của bài viết chỉ phù hợp trong phạm vi tác phẩm *Đảo* vì chưa đủ rộng để khái quát đặc trưng của chỉ tố rào đón trong hội thoại văn học. Việc mở rộng khảo sát hội thoại của nhân vật trong các tác phẩm khác của Nguyễn Ngọc Tư hoặc các tác giả người miền Tây Nam Bộ khác là một hướng nghiên cứu khả dĩ trong việc khái quát đặc trưng về chỉ tố rào đón trong thời gian sắp tới. ●

26 Jingwei Tang, "Pragmatic functions of hedges and politeness principles", *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, Vol. 2(4), 2013, tr. 155-160, DOI: <https://doi.org/10.7575/aiac.ijalel.v.2n.4p.155>

27 Ken Hyland, *tlđđ*.

28 Lê Thị Thanh Xuân, "Phân tích giá trị ngữ dụng của hành động rào đón trong một số tình huống hội thoại", *Tạp chí Khoa học – Đại học Huế*, số 66, 2011, tr. 212.

29 Vlasyan, G. R., "Linguistic hedging in interpersonal communication", in *The European Proceedings of Social & Behavioural Sciences EPSBS*, The Future Academy, 2019, tr. 617-623.

Tài liệu tham khảo

- [1] Penelope Brown and Stephen C. Levinson, *Politeness: Some universals in language usage*, Cambridge University Press, 1987, DOI: <https://doi.org/10.1017/CBO9780511813085>
- [2] Đỗ Hữu Châu, *Đại cương ngôn ngữ học, Tập 2, Ngữ dụng học*. Nxb. Giáo dục, 2001
- [3] H. Paul Grice, "Logic and conversation", in P. Cole and J. Morgan (Eds.), *Syntax and semantics*, New York: Academic Press, 1975, tr. 41-58.
- [4] Shawan Saeed Haji, Karmand Hamad Abdulla, "The use of hedging devices in English texts written by English and Kurdish academics: A comparative study", *Twejer Journal*, Vol. 3(1), 2020, DOI: <https://doi.org/10.31918/twejer.2031.27>
- [5] Ngô Hữu Hoàng, "Lời rào đón như phương tiện "đền bù" các vi phạm nguyên tắc lịch sự (Dựa trên diễn ngôn tiếng Anh và tiếng Việt)", *Tạp chí Khoa học & Công nghệ*, số 121(07), 2014 [trans: Ngo Huu Hoang, "Hedge words as a means of "compensating" for violations of politeness principles (Based on English and Vietnamese discourse)", *Journal of Science & Technology*, Vol. 07(121), 2014]
- [6] Nguyen Thanh Huy, Truong Thi Hong Nhung, "Using hedges in English and Vietnamese conversations: The similarities and differences", *Asian Journal of Social Sciences, Arts and Humanities*, Vol. 3(1), 2015
- [7] Ken Hyland, *Hedging in scientific research articles*, John Benjamin's Publishing Company, 1998
- [8] Ken Hyland, *Metadiscourse: Exploring interaction in writing*, Continuum, 2005
- [9] Stine Hulleberg Johansen, "A contrastive approach to the types of hedging strategies used in Norwegian and English informal spoken conversations", *Contrastive Pragmatics*, Vol. 2(1), 2020, DOI: <https://doi.org/10.1163/26660393-12340006>
- [10] Robin Lakoff, *Language and women's place*, New York: Harper & Row, 1975
- [11] Jin Liu, "A pragmatic analysis of hedges from the perspective of politeness principle", *Theory and Practice in Language Studies*, Vol. 10(12), 2020, DOI: <http://dx.doi.org/10.17507/tpls.1012.15>
- [12] Nguyen Quang Ngoan, Nguyen Le To Quyen, "Types of hedges used by American and Vietnamese celebrity", *VNU Journal of Science: Foreign Studies*, Vol. 32(2), 2016, DOI: <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/1540>
- [13] W. T. Pockman, J. S. Sperry, "Freezing-induced xylem cavitation and the northern limit of *Larrea tridentata*", *Oecologia*, Vol. 109(1), 1996, DOI: <https://doi.org/10.1007/s004420050053>
- [14] Jingwei Tang, "Pragmatic functions of hedges and politeness principles", *International Journal of Applied Linguistics and English Literature*, Vol. 2(4), 2013, DOI: <https://doi.org/10.7575/aiac.ijalel.v.2n.4p.155>
- [15] Phan Thị Thanh Thủy, "Ranh giới giữa lịch sự và bất lịch sự qua hành vi rào đón trong tiếng Việt", *Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh*, số 5(83), 2016 [trans: Phan Thi Thanh Thuy, "The boundary between politeness and impoliteness through hedging behavior in Vietnamese", *Journal of Science, Ho Chi Minh City University of Education*, Vol. 83(83), 2016]
- [16] Nguyễn Ngọc Tu, *Đảo: Tập truyện ngắn*, Nxb. Trẻ, 2021 [trans: Nguyen Ngoc Tu, *Island: Short story collection*, Tre Publishing House, 2021]
- [17] Vlasyan, G. R., "Linguistic hedging in interpersonal communication", in *The European Proceedings of Social & Behavioural Sciences EPSBS*, The Future Academy, 2019
- [18] Lê Thị Thanh Xuân, "Phân tích giá trị ngữ dụng của hành động rào đón trong một số tình huống hội thoại", *Tạp chí Khoa học – Đại học Huế*, số 66, 2011 [trans: Le Thi Thanh Xuan, "Analyzing the pragmatic value of hedges in some conversational situations", *Journal of Science – Hue University*, No. 66, 2011]
- [19] Yingli Yan, "Exploring linguistic and cultural variations in the use of hedges in English and Chinese scientific discourse", *Journal of Pragmatics*, Vol. 50(1), 2013, DOI: <https://doi.org/10.1016/j.pragma.2013.01.008>
- [20] Herbert P. Yule, "Conversational text editor for a laboratory minicomputer", *Analytical Chemistry*, Vol. 24, 1972, DOI: <https://doi.org/10.1021/ac60310a023>